

## NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp,  
nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh  
trên địa bàn huyện giai đoạn 2019-2020**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khoá X; Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 19/5/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về khuyến nông;

Quyết định 1373/QĐ-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 30/3/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Nghi Xuân về tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Nghi Xuân giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 14/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị thông qua Đề án một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2019-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành quy định số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2019-2020 với các nội dung chủ yếu sau:

#### I. Mục tiêu

##### I. Mục tiêu chung

- Tốc độ tăng bình quân giá trị gia tăng nông, lâm, thủy sản trên 5%/năm; đến năm 2020, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 2.000 tỷ đồng; giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích canh tác đạt trên 100 triệu đồng/ha.

- Đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 50 triệu đồng/người/năm, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 3%; có 5/17 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới kiểu mẫu về văn hóa.

## **2 Mục tiêu cụ thể**

- Về lĩnh vực nông nghiệp: Phấn đấu mỗi năm hình thành thêm được ít nhất 15 mô hình sản xuất nông nghiệp, trong đó: Đạt ít nhất 02 mô hình lớn (doanh thu trên 1 tỷ đồng/năm); đạt ít nhất 05 mô hình vừa (doanh thu từ 501 triệu đến 1 tỷ đồng/năm); đạt ít nhất 08 mô hình nhỏ (doanh thu từ 100 triệu đến 500 triệu/năm).

- Về lĩnh vực nông thôn mới, đô thị văn minh: Mỗi năm hình thành ít nhất 20 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh, 100 vườn đạt tiêu chí vườn mẫu.

## **II. Phạm vi, đối tượng áp dụng, nguyên tắc hỗ trợ, thời gian và nguồn kinh phí thực hiện**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng khu dân cư nông thôn mới, tổ dân phố văn minh trên địa bàn huyện.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (gọi chung là người sản xuất, đơn vị thực hiện) trên địa bàn huyện.

### **3. Nguyên tắc hỗ trợ**

a) Ngoài chính sách hỗ trợ tại Đề án này, các đối tượng vẫn được hưởng các chính sách hỗ trợ theo các văn bản quy định của Trung ương và của Tỉnh còn hiệu lực.

b) Chính sách được hỗ trợ một lần sau khi hoàn thành và đi vào hoạt động. Riêng khoản 3 (phần I); khoản 4 (phần II); khoản 2 (phần 3) Đề án này được phân bổ hỗ trợ theo từng năm.

c) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng đối tượng, mục đích, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

### **4. Thời gian thực hiện**

Các nội dung hỗ trợ tại Đề án này được tính từ thời điểm bắt đầu triển khai đồng thời hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng trong giai đoạn 2019 - 2020.

### **5. Xây dựng kế hoạch và dự toán**

Hàng năm, căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nội dung, mức hỗ trợ được quy định tại Đề án này, các phòng liên quan, UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch và dự toán như sau:

5.1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (gọi chung là cấp xã): Xây dựng kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (kèm theo tài liệu thuyết minh cụ thể về địa điểm, số lượng mô hình, kinh phí đề nghị hỗ trợ...); chủ động báo cáo HĐND cùng

cấp xem xét, bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách xã đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách cấp xã hàng năm.

Thời gian nộp kế hoạch và dự toán: Chậm nhất là ngày 30/10 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp kế hoạch và dự toán kinh phí của năm kế tiếp về phòng Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp.

5.2. Các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng căn cứ chức năng quản lý nhà nước tổ chức rà soát, tổng hợp toàn bộ kế hoạch khối lượng và dự trù kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn toàn huyện trước ngày 10/11 hàng năm gửi phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo UBND huyện trình HĐND huyện xem xét bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách (phần ngân sách cấp huyện đảm bảo) trong dự toán thu, chi ngân sách cấp huyện hàng năm.

## **6. Nguồn kinh phí thực hiện**

6.1. Ngân sách huyện đảm bảo mức 80% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

6.2. Ngân sách cấp xã đảm bảo mức 20% cho thực hiện chính sách nông nghiệp, nông thôn hàng năm.

6.3. Kinh phí quản lý, chỉ đạo, kiểm tra nghiệm thu: Thuộc ngân sách cấp nào thì do ngân sách cấp đó tự đảm bảo; mức chi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với tính chất từng đợt kiểm tra cụ thể, nhưng tối đa không quá 2% tổng kinh phí ngân sách các cấp hỗ trợ.

## **7. Giải thích một số từ ngữ và yêu cầu kỹ thuật**

- “VietGAP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam.

- “VietGAHP” là quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho chăn nuôi lợn, gà, bò sữa an toàn tại Việt Nam.

- Nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến: Là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi thường nhỏ hơn 1,2 m; mật độ thả thưa dưới 20 con/m<sup>2</sup> đối với tôm sú, dưới 60 con/m<sup>2</sup> đối với tôm thẻ chân trắng.

- Nuôi tôm thâm canh: Là hình thức nuôi có độ sâu nước nuôi từ 1,2 đến 2m; mật độ thả nuôi trên 20 con/m<sup>2</sup> đối với tôm sú, trên 60 con/m<sup>2</sup> đối với tôm thẻ chân trắng; có sử dụng sục khí hay quạt nước, thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- Nuôi tôm trên cát công nghệ cao: Thuộc vùng quy hoạch nuôi tôm trên cát được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có độ sâu nước nuôi từ 1,2 đến 2 m; mật độ thả nuôi đối với tôm thẻ chân trắng trên 120 con/m<sup>2</sup>; có sử dụng hệ thống sục khí, quạt nước, nước được lấy từ biển và thay nước chủ động, quản lý chăm sóc nghiêm ngặt.

- Giống lợn: Lợn nái ngoại cấp bố là lợn nái sinh sản có 100% máu lợn ngoại (như Landrace, Yorkshire...) và các tổ hợp lai ngoại khác. Lợn thịt phải là các giống lợn ngoại hướng nạc. Các hộ tự sản xuất con giống, liên kết với doanh nghiệp, đơn vị cung ứng con giống phải được kiểm định chất lượng giống.

- Chuồng trại chăn nuôi: Chuồng trại phải phù hợp với đặc điểm sinh lý của gia súc, gia cầm, đảm bảo tốc độ sinh trưởng nhanh, khả năng cho sản phẩm cao; đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

- Vùng quy hoạch là vùng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với sản xuất quy mô trang trại phải được xây dựng trong các vùng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phải được xử lý môi trường theo quy định; đảm bảo khoảng cách từ trang trại, vùng trang trại chăn nuôi tập trung đến khu dân cư, công trình công cộng khác theo đúng quy định của UBND tỉnh.

- Đối với chăn nuôi gia trại, hộ gia đình xây dựng mới, nâng cấp chuồng trại phải có hệ thống xử lý môi trường đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường (có bể biogas, xử lý sinh học...) và các quy định hiện hành.

- Ngoài ra phải đảm bảo kỹ thuật theo quy định của đơn vị liên kết tổ chức sản xuất kinh doanh.

### **III. Những quy định cụ thể**

#### **1. Hỗ trợ phát triển trồng trọt**

##### **1.1. Rau, củ, quả sản xuất theo công nghệ cao**

Hỗ trợ làm nhà xưởng, chuyên giao kỹ thuật sản xuất rau củ quả công nghệ cao quy mô từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên có hợp đồng liên kết tiêu thụ, sản xuất ổn định trong ít nhất 02 năm trở lên. Mức hỗ trợ 100.000 đ/m<sup>2</sup>.

##### **1.2. Hỗ trợ tích tụ ruộng đất, chuyên đổi cơ cấu cây trồng**

Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha cho tổ chức, cá nhân thuê đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang sản xuất các loại cây trồng mới cho giá trị thu nhập cao gấp 02 lần cây trồng cũ trở lên; quy mô từ 02 ha liền vùng trở lên; thời gian thuê đất 05 năm trở lên. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/tổ chức, cá nhân. Kinh phí hỗ trợ được nghiệm thu, phân bổ trong 02 năm đầu.

#### **2. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi**

##### **2.1. Chăn nuôi Gà**

2.1.1. Chăn nuôi gà giống: Cơ sở xây dựng mới chăn nuôi gà giống cấp bố mẹ, có quy mô tối thiểu 2.000 con/lứa (được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xác định là cơ sở sản xuất gà giống), cung cấp giống cho các hộ chăn nuôi gà thương phẩm trong huyện, được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý môi trường và mua con giống. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ, cơ sở.

2.1.2. Chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm được hỗ trợ kinh phí xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý môi trường và mua con giống đối với quy mô từ 200 con/lứa trở lên. Định mức hỗ trợ 01 triệu đồng/cơ sở cho quy mô nuôi 200 con/lứa; 05 triệu đồng cho quy mô nuôi 500 con/lứa. Mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/cơ sở.

2.1.3. Chăn nuôi gà thương phẩm: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở chăn nuôi gà thả vườn, đồi (không tính gà dưới 7 ngày tuổi) được hỗ trợ xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý môi trường, mua con giống đối với quy mô từ 200 con/lứa trở lên. Định mức hỗ trợ 01 triệu đồng/cơ sở cho quy mô nuôi 200

con/lúa; 05 triệu đồng cho quy mô nuôi 500 con/lúa. Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

2.2. Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh: Hỗ trợ 50% kinh phí mua vắc xin tiêm phòng các loại dịch bệnh nguy hiểm cho đàn gia súc, gia cầm (lở mồm long móng, tụ huyết trùng trâu bò; dịch tả, tụ huyết trùng lợn; cúm gia cầm H5N1, bệnh dại chó) định kỳ hàng năm cho các hộ gia đình nuôi quy mô nhỏ (trâu bò dưới 20 con/hộ; lợn dưới 100 con/hộ; gia cầm dưới 1.000 con/hộ). Nội dung này chỉ hỗ trợ khi không có chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh.

2.3. Hỗ trợ công tác kiểm soát giết mổ: Hỗ trợ 1.000.000 đ (một triệu đồng)/tháng cho cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý giết mổ tại lò giết mổ tập trung.

#### 2.4. Chăn nuôi lợn thương phẩm

Hỗ trợ cho hộ gia đình chăn nuôi lợn thương phẩm để xử lý chất thải chăn nuôi bằng bể Biogas đối với các hộ nuôi quy mô từ 20 con đến 200 con/lúa. Định mức hỗ trợ nuôi 20 con/lúa được hỗ trợ 10 triệu đồng, tối đa không quá 100 triệu đồng/hộ, cơ sở;

#### 2.5. Chăn nuôi Bò

Chăn nuôi bò lai Zêbu hướng thịt, bò chất lượng cao (bò Braman, Charolaise, 3B) quy mô nuôi từ 50 con/lúa trở lên theo hình thức liên kết; được hỗ trợ 02 triệu đồng/con, tối đa không quá 200 triệu đồng/hộ, cơ sở. Kinh phí được nghiệm thu phân bổ trong hai năm.

### 3. Hỗ trợ nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản

#### 3.1 Nuôi trồng thủy sản

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích tụ ruộng đất nông nghiệp (đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ) của các hộ gia đình, cá nhân để chuyển sang cơ sở nuôi trồng thủy sản tập trung trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản mặn lợ tại địa bàn các xã: Xuân Phổ, Xuân Đan, Xuân Trường, Xuân Hội với quy mô diện tích ao nuôi thâm canh từ 01 ha trở lên, được hỗ trợ 20 triệu đồng/ha, mức hỗ trợ tối đa không quá 60.000.000 đồng/cơ sở.

3.2. Hỗ trợ khai thác thủy sản, hậu cần nghề cá: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đóng mới, cải hoán tàu cá; tàu dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khai thác hải sản, được hỗ trợ một lần như sau

3.2.1. Đối với tàu công suất từ 400 CV trở lên, được hỗ trợ 150 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 75 triệu đồng.

3.2.2. Đối với tàu công suất từ 250 CV đến dưới 400 CV, được hỗ trợ 100 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 50 triệu đồng.

3.2.3. Đối với tàu công suất từ 90 CV đến dưới 250 CV, được hỗ trợ 60 triệu đồng/tàu, thời gian nhận hỗ trợ trong 2 năm, mỗi năm 30 triệu đồng.

3.2.4. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng cơ sở thu mua và chế biến thủy hải sản trên 50 tấn/năm trở lên (có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân đảm bảo ổn định từ 02 năm trở lên), có đầu tư xây dựng nhà thu mua (hoặc chế

biên), kho lạnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh môi trường, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/cơ sở (hỗ trợ sau khi cơ sở đã đi vào hoạt động).

#### **4. Hỗ trợ sản xuất theo quy trình VietGAP, VietGAHP**

Tổ chức, cá nhân sản xuất theo quy trình VietGap, VietGAHP được hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá để xây dựng cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đạt quy trình sản xuất VietGap, VietGAHP. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/cơ sở.

#### **5. Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh**

5.1. Hỗ trợ 10 triệu đồng cho hộ gia đình đăng ký, xây dựng hoàn thành tiêu chí vườn mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.2. Hỗ trợ 100 triệu đồng cho thôn, tổ dân phố đăng ký, xây dựng đạt tiêu chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (theo bộ tiêu chí do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định); đạt tiêu chuẩn tổ dân phố văn minh đô thị (theo bộ tiêu chí Ủy ban nhân dân huyện quy định). Số lượng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh không hạn chế số lượng.

#### **6. Hỗ trợ sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP**

6.1. Hỗ trợ xây dựng hồ sơ công bố chất lượng, mã số mã vạch, thiết kế, xây dựng, in ấn mẫu hệ thống nhận diện thương hiệu sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/sản phẩm.

6.2. Hỗ trợ cho công tác quảng bá, xúc tiến thương mại (tham gia hội chợ), tiêu thụ sản phẩm 40 triệu đồng/sản phẩm.

#### **7. Khái toán kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án**

7.1. Tổng kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2019 - 2020, dự kiến: 13 tỷ đồng (*mười ba tỷ đồng chẵn*)

*Trong đó:*

- Ngân sách cấp huyện đảm bảo: 10,4 tỷ đồng.

- Ngân sách cấp xã đảm bảo: 2,6 tỷ đồng.

7.2. Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã, dự kiến bố trí hàng năm, cụ thể như sau:

- Năm 2019 bố trí: 06 tỷ đồng.

*Trong đó:*

+ Ngân sách cấp huyện: 4,8 tỷ đồng;

+ Ngân sách cấp xã: 1,2 tỷ đồng.

- Năm 2020 bố trí: 07 tỷ đồng.

*Trong đó:*

+ Ngân sách cấp huyện: 5,6 tỷ đồng;

+ Ngân sách cấp xã: 1,4 tỷ đồng.

### **IV. Giải pháp và tổ chức thực hiện**

#### **1. Giải pháp thực hiện**

1.1. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung các chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị

văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2019 - 2020 đến tận toàn thể nhân dân được biết để tiếp cận các chính sách hỗ trợ.

1.2. Phát huy vai trò trách nhiệm, sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở; hàng năm phải giao chỉ tiêu cụ thể cho từng ban, ngành, đoàn thể, đảng viên, đoàn viên, hội viên xây dựng mô hình; các phòng ban chức năng được giao chỉ tiêu này lên kế hoạch cụ thể để thực hiện.

1.3. Xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể các nội dung hỗ trợ và các trình tự, thủ tục trong thực hiện chính sách hỗ trợ để các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

1.4. Tiết kiệm chi thường xuyên, dành tối đa nguồn lực để thực hiện chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện giai đoạn 2019 - 2020.

1.5 Tiếp tục thu hút đầu tư các dự án đầu kéo trong nông nghiệp để các hộ dân có điều kiện tham gia sản xuất quy mô tập trung, đồng thời hấp thụ được các chính sách của tỉnh, huyện.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện ban hành hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

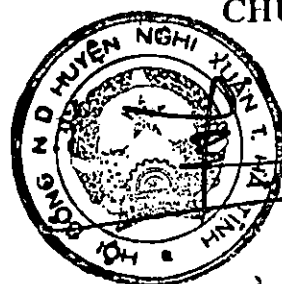
**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Nghi Xuân khóa XX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện Khóa XX;
- Các cơ quan, ban ngành cấp huyện;
- TT HĐND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT;

Gửi: + Bản ĐT: Các thành phần nhận văn bản qua I-O;  
+ VB giấy: Các thành phần còn lại.



**CHỦ TỊCH**

**Trần Bái Hà**